

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: Ngôn ngữ Anh

MÃ NGÀNH: 9220201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 233/QĐ-NTT ngày 22 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: **English Linguistics**

+ Tên tiếng Việt: **Ngôn ngữ Anh**

Chuyên ngành *(nếu có)*:

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ – Bậc 8

Định hướng đào tạo: **Ngôn ngữ Anh ứng dụng (Applied English Linguistics)**

Khóa học áp dụng: 2026

Thời gian đào tạo: 3 năm tập trung liên tục (với NCS đầu vào trình độ thạc sĩ);

4 năm tập trung liên tục (với NCS đầu vào trình độ đại học)

Tên văn bằng tốt nghiệp tiếng Việt: Tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

Tên văn bằng tốt nghiệp tiếng Anh: Doctor of Philosophy in English Linguistics

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Ngoại ngữ

+ Địa chỉ văn phòng: Tầng 1, Cơ sở 331 QL1A, An Phú Đông, Quận 12, TPHCM

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 - (nhánh 432)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

- Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu được thể hiện qua luận văn thạc sĩ, đề án thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
- Có Phiếu đăng kí dự xét tuyển nghiên cứu sinh, thư giới thiệu của hai nhà khoa học; một đề cương về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng: đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu; mục tiêu và mong muốn đạt được; lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; dự kiến kế hoạch học tập; nghiên cứu toàn khóa thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người/tập thể hướng dẫn (nếu có).
- Có đủ trình độ tiếng Anh để học, tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Người dự tuyển nếu là công dân nước ngoài đăng kí theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Ngôn ngữ Anh thì phải đáp ứng đủ các điều kiện như công dân Việt Nam nêu trên và về năng lực tiếng Anh.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Nhà trường (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

3. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Tiến sĩ Ngôn ngữ Anh (Doctor of Philosophy in English Linguistics)	
Sau khi hoàn tất chương trình, người học tốt nghiệp có thể: (After completing the program, postgraduate students will be able to):	
Kiến thức (Knowledge)	
PLO1	Áp dụng các khung lý thuyết Ngôn ngữ học để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Anh trong lĩnh vực xã hội, giáo dục và giảng dạy tiếng Anh (Apply linguistic frameworks to solve real-world problems across English linguistics, English linguistics in society, education and English

	learning)
PLO2	Thiết kế và thực hiện nghiên cứu Ngôn ngữ Anh có tính liên ngành bằng cách sử dụng nhiều phương pháp và công cụ nghiên cứu tiên tiến. (Design and conduct English linguistics into interdisciplinary research using advanced methodologies and tools)
<u>Kỹ năng</u> (Skills)	
PLO3	Sử dụng thành thạo ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học khối liệu, các công cụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, và các ứng dụng của AI trong việc học ngôn ngữ và giao tiếp. (Utilize proficiently comparative linguistics, corpus linguistics, NLP tools, and AI-based applications in language learning and communication)
PLO4	Phát triển các chính sách và chiến lược ngôn ngữ hoặc đa ngôn ngữ để giải quyết các thách thức ngôn ngữ Anh trong giáo dục ở Việt Nam (Develop lingual or multilingual policies and strategies to address English linguistic challenges in education in Vietnam)
<u>Mức tự chủ và trách nhiệm</u> (Autonomy and Responsibility)	
PLO5	Thể hiện được chuyên môn giảng dạy và khả năng quản lý học thuật trong giáo dục đại học (Demonstrate teaching expertise and academic management in higher education)
PLO6	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong các lĩnh vực ngôn ngữ Anh, và Ngôn ngữ Anh trong giáo dục và văn hóa, văn học Anh (Collaborate effectively with stakeholders in English linguistics, and English linguistics in education and culture, English literature sectors)

4. Các điều kiện bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn

- Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;
- Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá cấp đơn vị chuyên môn;
 - Là tác giả chính của hai trong số các công bố như: báo cáo hội nghị khoa học hoặc bài báo khoa học được công bố trong các tạp chí quốc tế uy tín (nếu thuộc danh mục WoS/Scopus sẽ được khuyến khích cộng thêm điểm); chương sách chuyên khảo do các

nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước phát hành. Tất cả các công bố trên phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

- Yêu cầu trên đây có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

5. Các điều kiện bảo vệ luận án cấp trường

- Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức, có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

- Đạt quy trình phản biện độc lập;
- Tuân thủ quy định của Nhà trường về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác có liên quan và của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- Hoàn thành học phí, lệ phí theo quy định;
- Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

6. Các điều kiện tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

- Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường đồng ý thông qua;

- Nghiên cứu sinh đã nộp cho Nhà trường (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có) trong thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ luận án thành công;

- Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc nộp Thư viện Nhà trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người/tập thể hướng dẫn và xác nhận của Nhà trường.

7. Thang điểm

Điểm học phần được tính dựa vào Quy chế về Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm theo quyết định số 1168/QĐ-NTT ngày 28 tháng 08 năm 2022 của trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (PROGRAM EDUCATIONAL OBJECTIVES: PEO)

Sau khi tốt nghiệp, người học tốt nghiệp có thể:

PEO1: Kiến thức chuyên môn tiên tiến, cập nhật, chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Anh ứng dụng;

(Advanced, up-to-date, and in-depth knowledge of research methodologies in English Studies and Applied English Linguistics)

PEO2: Kỹ năng phân tích, nghiên cứu, phổ biến, chuyển giao kết quả các đề tài mới có ý nghĩa trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh một cách sáng tạo, độc lập, và hợp tác;

(Skills in analyzing, conducting research, disseminating, and transferring the results of innovative and significant studies in the field of English Studies in a creative, independent, and collaborative manner)

PEO3: Khả năng thích ứng, tự học và nghiên cứu để kiến tạo tri thức, sự chủ động và trách nhiệm trong hỗ trợ, hướng dẫn và điều phối các hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu cho đồng nghiệp và người học trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh với thái độ chuyên nghiệp, đạo đức và cầu tiến.

(The ability to adapt, self-learn, and conduct research to generate knowledge, as well as to demonstrate initiative and responsibility in supporting, mentoring, and coordinating research capacity-building activities for colleagues and learners in the field of English Studies, with a professional, ethical, and progressive attitude)

Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)					
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
PEO1	x	x				
PEO2			x	x		
PEO3					x	x

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (Criteria and Principles for designing the program)

- **Phù hợp với tiêu chuẩn toàn cầu:** Điều chỉnh chương trình theo các cơ sở giáo dục quốc tế hàng đầu (như Victoria University of Wellington, Massey University, National University of Singapore, KMUTT) để đảm bảo tính cạnh tranh.

(Alignment with global standards: Align the program with leading international institutions (e.g., Victoria University of Wellington, Massey University, National University of Singapore, KMUTT) to ensure competitiveness).

- **Tập trung vào tính liên ngành:** Tích hợp AI, ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học khối liệu, ngôn ngữ Anh trong lĩnh vực giáo dục, xã hội, văn hóa và văn học.

(Interdisciplinary focus: Integrate AI, comparative linguistics, corpus linguistics, English linguistics in education, society, culture and literature).

- **Nhấn mạnh vào hợp tác chuyên môn:** Bao gồm các chương trình thực tập, điền dã và trợ giảng để phát triển kỹ năng thực tiễn.

(Emphasis on Professional Collaboration: Include internships, fieldwork, and teaching apprenticeships to develop practical skills).

- **Đạo đức và tư duy phê phán:** Tích hợp nhận thức luận và đạo đức nghiên cứu nhằm thúc đẩy nghiên cứu có trách nhiệm.

(Ethics and Critical Reflection: Incorporate epistemology and research ethics to promote responsible research).

- **Học tập tăng cường công nghệ:** Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về AI, NLP và các nền tảng kỹ thuật số khác.

(**Technology-Enhanced Learning:** Equip students with expertise in AI, NLP, and digital platforms).

- **Thích ứng với mục tiêu phát triển Ngôn ngữ Anh tại Việt Nam:** Giải quyết vấn đề Ngôn ngữ Anh, đa ngôn ngữ, cải cách giáo dục và chuyển đổi số theo định hướng giáo dục quốc gia.

(**Adaptation to Vietnam's English linguistics development goals:** Address English linguistics, multilingualism, education reform, and digital transformation in line with national education priorities).

- **Tuân thủ với Luật giáo dục đại học Việt Nam:** So sánh và đảm bảo theo Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ Tiến sĩ (bậc 8).

(**Compliance with the Higher Education Law:** Compare and ensure Vietnam National Qualifications Framework, and the Circular regulating the knowledge volume for the Doctoral level - level 8).

- **Tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến các bên liên quan về:** các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các năng lực của người học tốt nghiệp.

(**Organize a workshop to gather stakeholder feedback on:** competencies and tasks associated with each competency; required skills and any other advanced and specific demands of the era. Analyze and synthesize the feedback to develop postgraduate Competencies).

- **Thiết kế CTĐT:** Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để người học đạt được các kết quả học tập mong đợi.

(**Design program:** Develop detailed syllabus for courses based on the program's learning outcomes, assessment methods, teaching content, and study road to ensure learners achieve the expected learning outcomes).

2. Mối liên hệ của các học phần trong việc hình thành năng lực (Relationship of courses in developing competencies)

CÁC NĂNG	CÁC HỌC PHẦN/ MODULE	THỜI LƯỢNG
----------	----------------------	------------

LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HV TN	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
NĂNG LỰC 1 Lý thuyết Ngôn ngữ Anh (Theoretical English Linguistics)	Ngôn ngữ Anh và Lý thuyết Ngôn ngữ học (2 tín chỉ) (English Linguistics and Linguistic Theories)	2 môn	4 tín chỉ	25%
	Những vấn đề đương đại trong Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học Anh (2 tín chỉ) (Contemporary Issues in Linguistics and English Linguistics)			
NĂNG LỰC 2 Phương pháp nghiên cứu và phân tích ngôn ngữ học khối liệu tiếng Anh (Research methodology and English corpus linguistics)	Phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu Ngôn ngữ Anh (2 tín chỉ) (Research methodology in English Language Studies)	2 môn	4 tín chỉ	25%
	Ngôn ngữ học khối liệu và tính toán tiếng Anh (2 tín chỉ) (English Corpus and Computational Linguistics)			
NĂNG LỰC 3 Công nghệ và ứng dụng trong giảng dạy (Technology and Applications in Education)	AI và diễn ngôn số trong dạy học tiếng Anh (2 tín chỉ) (AI and Digital Discourse in English Language Teaching and Learning)	1 môn	2 tín chỉ	12.5%
NĂNG LỰC 4 Ngôn ngữ học Anh ứng dụng và cảnh huống (Applied English Linguistics and Contextual Studies)	Phát triển chính sách giáo dục đa ngôn ngữ (2 tín chỉ) (Developing Multilingual Education policies)	2 môn	4 tín chỉ	25%
	Ngôn ngữ học xã hội và giáo dục ngôn ngữ (2 tín chỉ) (Sociolinguistics and Language Education)			
Học phần tự chọn (Elective courses)		1 môn	2 tín chỉ	12.5%

NĂNG LỰC 5 Điền dã và phát triển chuyên môn (Fieldwork and Professional Development)	Điền dã trong Ngôn ngữ Anh ứng dụng (2 tín chỉ)		2 tín chỉ	12.5%
	Fieldwork in Applied English Linguistics			
	Năng lực lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp trong Ngôn ngữ Anh (2 tín chỉ) (Leadership and Professional Development in English Linguistics)		2 tín chỉ	12.5%

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 90 tín chỉ

Hướng nghiên cứu:

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	16	17
Nghiên cứu khoa học	9	10
Luận án tiến sĩ	65	73

4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL
Phần kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành		16	16	
<i>Các học phần bắt buộc</i>		14	14	
	Ngôn ngữ Anh và Lý thuyết Ngôn ngữ học (English Linguistics and Linguistic Theories)	2	2	
	Những vấn đề đương đại	2	2	

	trong Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học Anh (2 tín chỉ) (Contemporary Issues in Linguistics and English Linguistics)			
	Phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu Ngôn ngữ Anh (Research methodology in English Language Studies)	2	2	
	Ngôn ngữ học khối liệu và tính toán tiếng Anh (English Corpus and Computational Linguistics)	2	2	
	AI và diễn ngôn số trong dạy học tiếng Anh (AI and Digital Discourse in English Language Teaching and Learning)	2	2	
	Phát triển chính sách giáo dục đa ngôn ngữ (Developing Multilingual Education policies)	2	2	
	Ngôn ngữ học xã hội và giáo dục ngôn ngữ (Sociolinguistics and Language Education)	2	2	

<i>Các học phần lựa chọn</i>		2	2	
	Điền dã trong Ngôn ngữ học Anh ứng dụng (Fieldwork in Applied English Linguistics)	2	2	
	Năng lực lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp trong Ngôn ngữ Anh (Leadership and Professional Development in English Linguistics)	2	2	
Tổng cộng:		16	16	

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến cho NCS đúng ngành (nếu NCS ngành gần hoặc trình độ cử nhân phải học các học phần bổ sung trước khi học các học phần này)

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ 1/NĂM 1			8	8	0	280		
1		Ngôn ngữ Anh và Lý thuyết Ngôn ngữ học (English Linguistics and Linguistic Theories)	2	30	0	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: viết tiểu luận

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							học	
2		Những vấn đề đương đại trong Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học Anh (Contemporary Issues in Linguistics and English Linguistics)	2	0	30	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: viết tiểu luận
3		Phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu Ngôn ngữ Anh (Research methodology in English Language Studies)	2	0	30	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: viết tiểu luận
4		Ngôn ngữ học khối liệu và tính toán tiếng Anh (English Corpus and Computational Linguistics)	2	0	30	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: viết tiểu luận

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							nhóm, tự học	
HỌC KỲ 2/NĂM 1			8	8	0	280		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			6	6	0	210		
5		AI và diễn ngôn số trong dạy học tiếng Anh (2 tín chỉ) AI and Digital Discourse in Language Teaching and Learning	2	0	30	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiền trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: viết tiêu luận
6		Phát triển chính sách giáo dục đa ngôn ngữ (Developing Multilingual Education policies)	2	0	30	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiền trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: viết tiêu luận
7		Ngôn ngữ học xã hội và giáo dục ngôn ngữ (Sociolinguistics and Language	2	0	30	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải	Đánh giá tiền trình: bài tập, thuyết trình

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		Education)					quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tổng kết: viết tiểu luận
Các học phần lựa chọn			2	0	30	70		
8		Điền dã trong Ngôn ngữ Anh ứng dụng Fieldwork in Applied English Linguistics	2	0	30	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiền trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: viết tiểu luận
9		Năng lực lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp trong Ngôn ngữ Anh (2 tín chỉ) (Leadership and Professional Development in English Linguistics)	2	0	30	70	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiền trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: viết tiểu luận
NĂM 2			9	0	0	315		
1		Tiểu luận Tổng	3	0	0	110	Tự	Thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		quan (Doctoral Overview)					nghiên cứu có sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn	trình, chất vấn, phản biện
2		Chuyên đề 1 (Research Presentation 1)	3	0	0	110	Tự nghiên cứu có sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn	Thuyết trình, chất vấn, phản biện
3		Chuyên đề 2 (Research Presentation 2)	3	0	0	110	Tự nghiên cứu có sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn	Thuyết trình, chất vấn, phản biện
NĂM 3			65	0	0	2.2 75		
1		Luận án tiến sĩ (Doctoral dissertation)	65	0	0	2.2 75	Tự nghiên cứu có sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn	Thuyết trình, chất vấn, phản biện

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

(Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra chương trình theo thang IPM)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
			PLO ₁ K1	PLO ₂ K2	PLO ₃ S1	PLO ₄ S2	PLO ₅ A1	PLO ₆ A2
1		Ngôn ngữ Anh và Lý thuyết Ngôn ngữ học (English Linguistics and Linguistic Theories)	P	M	P	M	P	M
2		Những vấn đề đương đại trong Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học Anh (Contemporary Issues in Linguistics and English Linguistics)	P	P	P	M	P	M
3		Phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu Ngôn ngữ Anh (Research methodology in English Language Studies)	P	P	P	M	P	M
4		Ngôn ngữ học khối liệu và tiếng Anh (English Corpus and Computational	P	M	P	M	P	M

		Linguistics)						
5		AI và diễn ngôn số trong dạy học tiếng Anh (2 tín chỉ) (AI and Digital Discourse in English Language Teaching and Learning)	P	P	P	M	P	M
6		Phát triển chính sách giáo dục đa ngôn ngữ (Developing Multilingual Education policies)	P	P	P	M	P	M
7		Ngôn ngữ học xã hội và giáo dục ngôn ngữ (Sociolinguistics and Language Education)	P	P	P	M	P	M
8		Điền dã trong Ngôn ngữ Anh ứng dụng Fieldwork in Applied English Linguistics	P	P	P	M	P	M
9		Năng lực lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp trong Ngôn	P	P	P	M	P	M

		ngữ Anh (2 tín chỉ) (Leadership and Professional Development in English Linguistics)						
10		Tiểu luận tổng quan (Doctoral Overview)	M	P	M	P	M	M
11		Chuyên đề 1 (Research Presentation 1)	M	M	M	P	M	M
12		Chuyên đề 2 (Research Presentation 2)	M	M	M	P	M	M
13		Luận án tiến sĩ Doctoral Dissertation	M	M	M	M	M	M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1) English Linguistics and Linguistic Theories: 2 tín chỉ

Học phần “**English Linguistics and Linguistic Theories**” phát triển nền tảng lý thuyết chuyên sâu về các lĩnh vực cốt lõi của ngôn ngữ học tiếng Anh như âm vị, hình vị học, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng học và các lý thuyết Ngôn ngữ học nói chung. Khóa học giúp nghiên cứu sinh hiểu rõ các nguyên lý và mô hình phân tích ngôn ngữ hiện đại, đồng thời phát triển tư duy phản biện và kỹ năng đánh giá các công trình nghiên cứu học thuật. Mục tiêu là phát triển kiến thức vững chắc để người học vận dụng vào nghiên cứu độc lập, đặc biệt trong các đề tài thuộc ngôn ngữ học tiếng Anh và ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học so sánh đối chiếu ở bậc tiến sĩ.

2) Những vấn đề đương đại trong Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học Anh (Contemporary Issues in Linguistics and English Linguistics): 2 tín chỉ

Học phần “Những vấn đề đương đại trong Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học Anh” được thiết kế nhằm cung cấp cái nhìn toàn cảnh và chuyên sâu về các xu hướng lý thuyết cũng như phương pháp luận tiên phong nhất trong thế kỷ XXI. Khóa học tập trung phân tích các chuyển biến mang tính bước ngoặt trong Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (SFG), Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics), Ngữ âm học thực nghiệm và Ngôn ngữ học tâm lý, qua đó giúp nghiên cứu sinh tiếp cận những địa hạt nghiên cứu mới nhất của nhân loại. Bên cạnh chiều sâu lý thuyết, môn học đi sâu vào các phương pháp nghiên cứu cách tân trong Ngôn ngữ học ứng dụng, từ các kỹ thuật định lượng phức tạp đến các phương pháp thực nghiệm liên ngành hiện đại. Thông qua việc thảo luận và phản biện các công bố khoa học quốc tế gần đây, nghiên cứu sinh sẽ được rèn luyện tư duy lý luận sắc bén và khả năng thiết kế các mô hình nghiên cứu đột phá, có tính thực chứng cao. Đây là nền tảng then chốt để người học định vị đề tài luận án trong bối cảnh học thuật toàn cầu, đồng thời phát triển năng lực công bố các công trình khoa học chất lượng cao trên các tạp chí uy tín. Khóa học hướng tới việc hình thành những nhà khoa học ngôn ngữ có khả năng dẫn dắt và giải quyết các bài toán ngôn ngữ học phức tạp trong kỷ nguyên tri thức mới.

3) Research Methodology in English Language Studies: 2 tín chỉ

Học phần "**Research Methodology in English Language Studies**" phát triển cho nghiên cứu sinh những hiểu biết chuyên sâu về các phương pháp nghiên cứu hiện đại trong lĩnh vực nghiên cứu tiếng Anh, so sánh đối chiếu, ngôn ngữ học máy tính... Nội dung bao gồm thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, sử dụng phần mềm hỗ trợ nghiên cứu ngôn ngữ, và áp dụng các mô hình phân tích ngôn ngữ phù hợp với từng lĩnh vực cụ thể như ngôn ngữ học, ngữ dụng học, ngôn ngữ học tri nhận, ngôn ngữ đa tình thái... Học phần giúp người học phát triển tư duy phản biện, đánh giá nghiên cứu trước đó và xây dựng nền tảng vững chắc cho luận án tiến sĩ.

4) English Corpus and Computational Linguistics: 2 tín chỉ

Học phần “**English Corpus and Computational Linguistics**” đi sâu vào việc sử dụng ngôn ngữ khối liệu để nghiên cứu và phân tích ngôn ngữ Anh hoặc Ngôn ngữ Anh ứng dụng. Nội dung chính của học phần bao gồm: Cung cấp cái nhìn tổng quan về khái niệm

ngôn ngữ học khối liệu, bao gồm các định nghĩa, lịch sử phát triển và vai trò của khối liệu trong nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại. Định nghĩa và phân loại các loại khối liệu, bao gồm khối liệu văn bản (text corpora), khối liệu nói (spoken corpora), khối liệu song ngữ (bilingual corpora), khối liệu đa ngôn ngữ (multilingual corpora) và khối liệu chuyên ngành (specialized corpora)... Hướng dẫn cách thu thập dữ liệu ngôn ngữ để tạo ra khối liệu, bao gồm việc lựa chọn nguồn tài liệu, xác định kích thước khối liệu và quy trình lựa chọn từ ngữ (sampling). Giới thiệu các công cụ và phần mềm để phân tích khối liệu, chẳng hạn như AntConc, Sketch Engine, WordSmith Tools... Phân tích các phương pháp tìm kiếm, trích xuất dữ liệu và thống kê từ vựng...

5) AI and Digital Discourse in English Language Teaching and Learning: 2 tín chỉ

Học phần “**AI and Digital Discourse in English Language Teaching and Learning**” đi sâu vào việc phân tích ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực giảng dạy và học tập ngôn ngữ Anh. Nội dung chính của học phần này bao gồm: Cung cấp cái nhìn tổng quan về AI và cách mà AI đang thay đổi các phương pháp giáo dục, đặc biệt trong giảng dạy ngôn ngữ. Khám phá các khái niệm cơ bản về AI, machine learning, và natural language processing (NLP)... Cung cấp các công cụ và phương pháp phân tích diễn ngôn số, giúp nghiên cứu sinh có khả năng đánh giá hiệu quả của các công cụ số và AI trong việc hỗ trợ học ngôn ngữ và giao tiếp. Các ứng dụng của AI trong giảng dạy ngôn ngữ như Nghiên cứu các công cụ và ứng dụng AI hiện có, chẳng hạn như chatbots, hệ thống quản lý học tập (LMS) thông minh, phần mềm học ngôn ngữ tự động, các phần mềm soạn thảo nội dung dạy học, quá trình đánh giá và phản hồi cho người học. Phân tích cách AI có thể giúp tạo ra lộ trình học tập cá nhân hóa dựa trên nhu cầu, khả năng và sở thích của từng học viên...

6) Developing Multilingual Education policies: 2 tín chỉ

Học phần “**Developing Multilingual Education Policies**” phát triển cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu về lý thuyết, thực tiễn và các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng chính sách giáo dục đa ngôn ngữ. Nội dung bao gồm phân tích vai trò của ngôn ngữ trong giáo dục, quyền ngôn ngữ, bảo tồn ngôn ngữ, và tác động của toàn cầu hóa đến chính sách ngôn ngữ. Học phần cũng hướng dẫn cách đánh giá và thiết kế ngôn ngữ dựa trên bối cảnh xã hội, văn hóa và chính trị cụ thể, nhằm thúc đẩy công bằng ngôn ngữ và phát triển bền vững trong giáo dục đa ngôn ngữ tại Việt Nam.

7) Sociolinguistics and Language Education: 2 tín chỉ

Học phần “**Sociolinguistics and Language Education**” khám phá mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội trong bối cảnh giáo dục. Nội dung bao gồm các khái niệm cốt lõi của ngôn ngữ học xã hội như biến thể ngôn ngữ, bản sắc ngôn ngữ, thái độ ngôn ngữ, quyền lực và chính sách ngôn ngữ. Học phần phân tích cách các yếu tố xã hội như giai cấp, giới tính, dân tộc và văn hóa ảnh hưởng đến việc học, dạy và sử dụng ngôn ngữ trong lớp học và ngoài xã hội. Qua đó, nghiên cứu sinh phát triển năng lực phân tích phê phán và ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn giáo dục ngôn ngữ.

8) Field work in Applied English Linguistics: 2 tín chỉ

Học phần “**Field work in Applied English Linguistics**” phát triển kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tế qua việc thu thập, phân tích dữ liệu ngôn ngữ thực địa (tiếng Anh). Đây là một học phần cốt lõi đối với các nghiên cứu sinh trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng, đặc biệt khi nghiên cứu về các cộng đồng ngôn ngữ cụ thể hoặc các hiện tượng ngôn ngữ trong bối cảnh thực tế. Học phần giúp NCS vận dụng được các phương pháp thu thập dữ liệu ngôn ngữ trong môi trường thực tế trong hoặc ngoài nước. Nắm vững lại các khái niệm cơ bản như tư liệu ngôn ngữ, tính đại diện của mẫu ngôn ngữ, và các yếu tố văn hóa xã hội trong nghiên cứu ngôn ngữ. Ngoài ra, NCS có cơ hội thực hành nghiên cứu như xây dựng bảng hỏi, lập kế hoạch thu thập dữ liệu, và chọn mẫu đối tượng nghiên cứu. Kỹ năng sử dụng các công cụ thu thập dữ liệu như ghi âm, ghi hình, và phỏng vấn. Phân tích dữ liệu ngôn ngữ thực địa bằng các phương pháp định tính và định lượng. Cuối cùng, NCS nhận thức được về đạo đức nghiên cứu, bao gồm quyền riêng tư, sự đồng thuận của người tham gia, và tôn trọng văn hóa bản địa...

9) Năng lực lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp trong Ngôn ngữ Anh (Leadership and Professional Development in English Linguistics): 2 tín chỉ

Học phần “Năng lực lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp trong Ngôn ngữ Anh” phát triển cho nghiên cứu sinh không chỉ năng lực giảng dạy bậc đại học, sau đại học mà còn tập trung vào tầm nhìn lãnh đạo, quản lý học thuật và chiến lược phát triển sự nghiệp trong môi trường giáo dục và nghiên cứu ngôn ngữ chuyên sâu. Đây là học phần mang tính ứng dụng cao, giúp nghiên cứu sinh hoàn thiện chân dung một nhà khoa học toàn diện thông qua việc trang bị kiến thức thực tế về lập kế hoạch, thiết kế chương trình và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Bên cạnh việc thực hành giảng dạy và áp dụng lý thuyết vào thực tiễn dưới sự hướng dẫn sát sao, nghiên cứu sinh còn được rèn luyện các kỹ năng

quản lý nhóm nghiên cứu, tổ chức hội thảo khoa học và thúc đẩy tư duy quản trị trong môi trường học thuật, bao gồm khả năng ra quyết định và giải quyết vấn đề. Học phần chú trọng kết nối chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và giảng dạy, giúp nghiên cứu sinh hiểu rõ mối quan hệ tương hỗ giữa hai lĩnh vực này, đồng thời tạo điều kiện để tiếp cận người học và cộng đồng chuyên gia nhằm phục vụ khảo sát, nghiên cứu. Qua đó, người học không chỉ nâng cao sự tự tin, tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp mà còn nhận thức rõ vai trò dẫn dắt trong việc kiến tạo môi trường học tập tích cực và hỗ trợ sự phát triển của cộng đồng ngôn ngữ Anh.

10, Tiểu luận Tổng quan (Doctoral Overview): 3 tín chỉ

Tiểu luận Tổng quan (Doctoral Overview) giữ vai trò học thuật cốt lõi, nhằm định hướng toàn bộ quá trình nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Mục đích trước hết của tiểu luận này là tổng hợp, phân tích và đánh giá phê phán các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong lĩnh vực chuyên ngành (ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, diễn ngôn, ngữ nghĩa, tri nhận, v.v.), qua đó làm rõ bức tranh nghiên cứu hiện tại và các xu hướng lý thuyết phương pháp đang chi phối lĩnh vực nghiên cứu. Thứ hai, Tiểu luận Tổng quan giúp nghiên cứu sinh xác định khoảng trống nghiên cứu (research gaps) và những vấn đề còn bỏ ngỏ, từ đó xác lập tính mới, tính cấp thiết và giá trị khoa học của đề tài luận án dự kiến. Đây cũng là cơ sở để chứng minh rằng đề tài không trùng lặp, mà có đóng góp rõ ràng về mặt lý luận, phương pháp hoặc thực tiễn. Thứ ba, tiểu luận này thể hiện năng lực học thuật của nghiên cứu sinh, bao gồm khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên sâu, tư duy phản biện, hệ thống hóa tri thức và lập luận khoa học bằng tiếng Anh học thuật. Đồng thời, giúp nghiên cứu sinh định hình khung lý thuyết, định hướng phương pháp nghiên cứu và các giả thuyết hoặc câu hỏi nghiên cứu cho luận án.

11, Chuyên đề 1 (Research Presentation 1): 3 tín chỉ

Chuyên đề 1 (Research Presentation 1) có mục đích trọng tâm là rèn luyện và đánh giá năng lực trình bày học thuật của nghiên cứu sinh trong giai đoạn đầu của quá trình nghiên cứu tiến sĩ. Thông qua chuyên đề này, nghiên cứu sinh được yêu cầu trình bày một cách có hệ thống đề tài nghiên cứu dự kiến, bao gồm bối cảnh nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và định hướng phương pháp luận. Một mục đích quan trọng khác của Chuyên đề 1 là tạo cơ hội để nghiên cứu sinh

nhận phản biện học thuật từ giảng viên hướng dẫn và hội đồng chuyên môn. Các ý kiến góp ý này giúp nghiên cứu sinh điều chỉnh, tinh chỉnh và hoàn thiện một phần nghiên cứu trong luận án, bảo đảm tính khả thi, tính khoa học và sự phù hợp với định hướng đào tạo của chương trình tiến sĩ. Bên cạnh đó, Research Presentation 1 góp phần phát triển các kỹ năng học thuật cốt lõi cho nghiên cứu sinh, như trình bày văn bản nói và viết bằng tiếng Anh học thuật, lập luận logic, bảo vệ quan điểm khoa học, và phản hồi các câu hỏi phản biện. Chuyên đề này cũng giúp đánh giá mức độ sẵn sàng nghiên cứu độc lập của nghiên cứu sinh trước khi bước vào giai đoạn triển khai nghiên cứu chuyên sâu.

12, Chuyên đề 2 (Research Presentation 2): 3 tín chỉ

Chuyên đề 2 (Research Presentation 2) có mục đích trọng tâm là đánh giá tiến độ và chất lượng nghiên cứu của nghiên cứu sinh sau giai đoạn triển khai nghiên cứu chuyên sâu. Ở giai đoạn này, nghiên cứu sinh phải báo cáo kết quả nghiên cứu bước đầu hoặc các phát hiện sơ bộ dựa trên dữ liệu đã thu thập và phân tích. Một mục đích quan trọng khác của Chuyên đề 2 là giúp nghiên cứu sinh kiểm chứng tính phù hợp của khung lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã lựa chọn khi áp dụng vào dữ liệu thực tế. Thông qua phản biện của giảng viên hướng dẫn và hội đồng chuyên môn, nghiên cứu sinh có cơ hội điều chỉnh thiết kế nghiên cứu, công cụ thu thập dữ liệu, hoặc cách tiếp cận phân tích, nhằm bảo đảm độ tin cậy và giá trị khoa học của nghiên cứu. Bên cạnh đó, Research Presentation 2 góp phần phát triển năng lực diễn giải và thảo luận kết quả nghiên cứu trong mối liên hệ với các công trình trước đó, qua đó thể hiện đóng góp học thuật của luận án đối với lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Chuyên đề này cũng tiếp tục rèn luyện kỹ năng trình bày, bảo vệ và phản biện học thuật bằng tiếng Anh ở mức độ chuyên sâu hơn.

13, Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation): 65 tín chỉ

Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation) là sản phẩm học thuật cao nhất và có ý nghĩa quyết định trong toàn bộ quá trình đào tạo. Mục đích cốt lõi của luận án là tạo ra tri thức mới, thể hiện đóng góp nguyên gốc, có giá trị khoa học và học thuật đối với lĩnh vực Ngôn ngữ Anh, bao gồm ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, phân tích diễn ngôn, ngữ nghĩa, tri nhận, xã hội học ngôn ngữ, giảng dạy tiếng Anh... Trước hết, luận án nhằm chứng minh năng lực nghiên cứu độc lập của nghiên cứu sinh, thể hiện qua việc xác lập vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa, xây dựng khung lý thuyết phù hợp, lựa chọn và

vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học một cách nghiêm ngặt, cũng như phân tích và diễn giải dữ liệu một cách thuyết phục. Thứ hai, luận án giúp kiểm chứng và mở rộng các lý thuyết hiện có, hoặc đề xuất cách tiếp cận, mô hình, hoặc giải thích mới dựa trên bằng chứng thực nghiệm. Ngoài giá trị lý luận, luận án tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Anh còn hướng tới đóng góp thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục, sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa. Thông qua luận án, nghiên cứu sinh khẳng định bản lĩnh học thuật, tư duy phản biện và đạo đức nghiên cứu, đồng thời đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tiến sĩ và yêu cầu của cộng đồng khoa học trong và ngoài nước.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	CTĐT ngành TESOL của Trường ĐH Mỏ TPHCM	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Hà Nội	CTĐT ngành TESOL của Trường ĐH Cần Thơ	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	90	90	90	90	90	Số tín chỉ tương đồng nhau giữa Trường ĐH Nguyễn Tất Thành và một số Trường trong nước
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn hoặc số tín chỉ)	7 học phần bắt buộc, 1 học phần tự chọn, 16 tín chỉ	2 học phần bắt buộc, 4 học phần tự chọn, 14 tín chỉ	6 học phần bắt buộc, 2 học phần tự chọn, 16 tín chỉ	4 học phần bắt buộc, 0 học phần tự chọn, 12 tín chỉ	2 học phần bắt buộc, 3 học phần tự chọn, 11 tín chỉ	Số học phần và số tín chỉ học phần tiên sĩ của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành bằng với CTĐT của ĐH Mỏ và ĐH Hà Nội nhưng nhiều hơn so với ĐH Đà Nẵng và Cần Thơ
- Học phần cơ sở và cốt lõi ngành	8 học phần, 16 tín chỉ	6 học phần, 14 tín chỉ	8 học phần, 16 tín chỉ	4 học phần, 12 tín chỉ	5 học phần, 11 tín chỉ	Số học phần cơ sở và cốt lõi ngành của ĐH Nguyễn

- Học phần nghiên cứu khoa học	3 học phần chuyên đề tiến sĩ, 9 tín chỉ	3 học phần chuyên đề tiến sĩ, 6 tín chỉ	2 học phần chuyên đề tiến sĩ, 6 tín chỉ	3 học phần chuyên đề tiến sĩ, 6 tín chỉ	3 học phần chuyên đề tiến sĩ, 9 tín chỉ	Tất Thành bằng với ĐH Mở TPHCM nhưng cao hơn các Trường còn lại
- Luận án tiến sĩ	65 tín chỉ	70	68	72 tín chỉ	70 tín chỉ	Số lượng học phần chuyên đề tiến sĩ của ĐH Nguyễn Tất Thành bằng với ĐH Cần Thơ, ĐH Ngoại ngữ, ĐH Hà Nội nhưng cao ĐH Mở
Phương pháp giảng dạy/học tập	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Số tín chỉ ĐH Nguyễn Tất Thành về thời lượng viết luận án ít hơn từ 3-5 tín chỉ so với các Trường trên. Phương pháp giảng dạy và học tập tương đối giống nhau về hình thức như thuyết trình, thảo luận, giải quyết tình huống...

Học phí							
Các đối sánh khác (nếu có)							

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh ứng dụng của KMUTT (Thailand)	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ học Anh của NUS (Singapore)	CTĐT ngành Ngôn ngữ học Anh ứng dụng của Victoria University of Wellington (New Zealand)	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh ứng dụng của Massey University (New Zealand)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	90	96	80	120	120	Số tín chỉ cao hơn so với Trường ĐH Nguyễn Tất Thành ngoại trừ NUS
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn hoặc số tín chỉ)	7 học phần bắt buộc, 1 học phần tự chọn, 16 tín chỉ	9 học phần bắt buộc, 27 tín chỉ	4 học phần bắt buộc, 12 tín chỉ	2 học phần bắt buộc, 8 tín chỉ	2 học phần bắt buộc, 8 tín chỉ	Số học phần và số tín chỉ học phần tiên sĩ của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành cao hơn các trường trong danh sách ngoại trừ KMUTT
- Học phần cơ sở và cốt lõi	8 học phần, 16 tín chỉ	9 học phần, 27 tín chỉ	4 học phần, 12 tín chỉ	2 học phần, 8 tín chỉ	2 học phần, 8 tín chỉ	Số học phần cơ sở

lỗi ngành	chỉ	tín chỉ	tín chỉ	chỉ	tín chỉ	tín chỉ	và cốt lõi ngành của ĐH Nguyễn Tất Thành cao hơn các trường trong danh sách ngoại trừ KMUTT
- Học phần nghiên cứu khoa học	3 học phần chuyên đề tiến sĩ, 9 tín chỉ	3 chuyên đề tiến sĩ, 9 tín chỉ	2 học phần chuyên đề tiến sĩ, 6 tín chỉ	2 học phần chuyên đề tiến sĩ, 8 tín chỉ	2 học phần chuyên đề tiến sĩ, 8 tín chỉ	Số lượng học phần chuyên đề tiến sĩ của ĐH Nguyễn Tất Thành bằng với KMUTT nhưng cao hơn các trường khác trong danh sách	
- Luận án tiến sĩ	65 tín chỉ	60 tín chỉ	62 tín chỉ	104 tín chỉ	104 tín chỉ	Số tín chỉ ĐH Nguyễn Tất Thành về thời lượng viết luận án cao hơn KMUTT và NUS nhưng thấp hơn 2 trường còn lại trong danh sách	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo	Thuyết trình, thảo luận câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo	Phương pháp giảng dạy và học tập tương đối giống nhau về hình thức	

	tình huống, học nhóm, tự học	đề, học theo tình huống, tự học	đề, học theo tình huống, tự học nhóm, tự học	tình huống, học nhóm, tự học	vấn đề, học theo hướng, học nhóm, tự học	như thuyết trình, thảo luận, giải quyết tình huống, tự nghiên cứu
Học phí						
Các đối sánh khác (nếu có)						

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

- Các học phần cốt lõi ngành: Do Khoa Ngoại ngữ phụ trách, được tổ chức giảng dạy trực tiếp trên lớp, đôi lúc có kết hợp với giảng dạy trực tuyến (< 30%).
- Học phần chuyên đề: Học viên làm việc độc lập và thảo luận cùng (tập thể) giảng viên hướng dẫn
- Học phần luận án: Học viên làm luận án dưới sự hướng dẫn của (tập thể) giảng viên hướng dẫn về đề tài được giao

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

- **Đánh giá giữa kỳ:** Học viên được đánh giá trong quá trình học thông qua nhiều hình thức như bài tập nhóm, thuyết trình, tranh luận. Điểm giữa kỳ và thường xuyên chiếm 40%.
- **Đánh giá cuối kỳ:** Học viên được yêu cầu làm tiểu luận theo chủ đề, nhiệm vụ cụ thể hoặc tự chọn. Điểm cuối kỳ chiếm 60%.
- **Học phần chuyên đề:** Học viên báo cáo trước Hội đồng chấm chuyên đề.
- **Học phần luận án:** Học viên viết đề án và trình bày trước Hội đồng đánh giá từ cấp chuyên môn, cấp độc lập, và cấp cơ sở đào tạo.

3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu. Thực hiện chuyên đề và luận án theo quy định mà Nhà trường ban hành.

4. Yêu cầu về cơ sở vật chất

Trang bị phòng học trang trọng, có đầy đủ các thiết bị máy chiếu, loa, bàn ghế linh hoạt để thực hiện các hoạt động cặp, nhóm.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



PGS. TS. Nguyễn Kim Hồng

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. Hồ Văn Hận